TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C Đ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST Ngày: 13-7-2023 V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C Đ- TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Chí Thanh.

2. Ông Nguyễn Minh Tân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C Đ, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C Đ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn L G 1, xã T X, huyện H T, tỉnh Bình Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Vinh H, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp B BT , xã T L, huyện C Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 06 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Bà và ông Trần Vinh H tổ chức hôn lễ cưới vào năm 2018 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T L, huyện C Đ ngày 08/5/2018, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41/2018. Vợ chồng có một con chung là cháu Trần Ngọc Anh Th, sinh ngày 21/8/2019. Cuộc sống vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên đã ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Vinh H. Về con chưa thành niên nên thì bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Anh Th, không yêu cầu ông Trần Vinh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung bà xác định không có.

Bị đơn ông Trần Vinh H vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Vinh H có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã T L, huyện C Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41/2018 ngày 08/5/2018 nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Ông Trần Vinh H là bị đơn, hiện nay có hộ khẩu thường trú tại xã T L, huyện C Đ nên khi bà T có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện C Đ, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.3] Bị đơn ông Trần Vinh H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H, theo bà T nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bà bất đồng về tư tưởng, lối sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Đồng thời, ông H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày cho thấy ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà T và ông H không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông H có một con chung là cháu Trần Ngọc Anh Thư, sinh ngày 21/8/2019, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung chưa thành niên. Hiện nay cháu Th đang ở với bà T, ông H không có ý kiến phản đối về việc bà T yêu cầu được nuôi con chung nên giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T đối với bị đơn ông Trần Vinh H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Trần Vinh H.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Trần Ngọc Anh Th, sinh ngày 21/8/2019.

Tạm thời ghi nhận ông Trần Vinh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005316 ngày 19/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C Đ, tỉnh Long An, bà T đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Vinh H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thám